

Nâng cao đời sống của người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp

PGS, TS. LÊ TRỌNG HANH

Học viện Chính trị Công an nhân dân; Email: letronghanhwhu@yahoo.com

Nhận ngày 18 tháng 3 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Theo không gian lãnh thổ, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn là những địa bàn đặc thù, có ý nghĩa nhiều mặt trong tổng thể chiến lược phát triển bền vững đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp cận từ góc độ quyền con người nói chung, quyền sống của người dân nói riêng, bài viết nghiên cứu đặc điểm địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn; sự quan tâm và kết quả thực hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm các điều kiện sống cơ bản của người dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; đồng thời, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân ở những vùng này trong thời gian tới.

Từ khóa: vùng sâu; vùng xa; vùng dân tộc thiểu số; vùng đặc biệt khó khăn; Việt Nam.

Abstract: Geographically, remote, isolated, ethnic minority regions and areas with special difficulties are unique parts that play a significant role in the overall strategy for sustainable national development and the safeguarding of the country. From a human rights perspective generally and the right to life particularly, this article examines the characteristics of these areas, the attention given to them, and the outcomes of policies aimed at promoting economic, cultural, and social development while ensuring basic living conditions under the leadership of the Party and the management of the State. The article also proposes solutions to improve the quality of life for residents in these areas in the coming period.

Keywords: remote areas; isolated areas; ethnic minority regions; areas with special difficulties; VietNam.

1. Vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn là những thuật ngữ được sử dụng để chỉ những địa bàn đặc thù ở nước ta có điểm chung là những vùng □lỗi nghèo của cả nước□ ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, điều kiện tự nhiên, thiên nhiên khắc nghiệt, có dân cư thưa thớt, kinh tế kém phát triển, lạc hậu, giao thông không thuận lợi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân gặp nhiều khó khăn. Trong thực tế tùy theo hoàn cảnh và theo quy định của Chính phủ, mỗi vùng có những đặc điểm và tiêu chí riêng để xác định. Trong đó, vùng dân tộc thiểu số là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số

(là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam) cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia)⁽¹⁾. Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển⁽²⁾. Vùng đặc biệt khó khăn là những vùng (xã, thôn) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc vùng bãi ngang,

ven biển, hải đảo có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được xác định theo quy trình, thủ tục do Chính phủ ban hành⁽³⁾.

Về địa chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo là những địa bàn trọng yếu, nhiều nơi là "phên dậu", "tiền đồn" trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Các địa bàn này thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi các hiện tượng thiên nhiên cực đoan, như: hạn hán, bão, lũ lụt, sạt lở đất, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, dịch bệnh... và diễn tiến chính trị, an ninh phức tạp theo hướng từ trên biên giới đất liền, trên biển Đông tác động vào. Xét về phân tầng xã hội, đây là địa bàn tập trung nhiều các nhóm yếu thế cần được quan tâm, như: người nghèo⁽⁴⁾, người dân tộc thiểu số... Người dân ở đây thường xuyên phải đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống, thu nhập thấp, bấp bênh, thiếu hụt các điều kiện sống cơ bản, như: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin. Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin ở mức cao.

2. Trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bên cạnh việc quan tâm, chăm lo đời sống của các tầng lớp, nhóm xã hội, Đảng, Nhà nước ta cũng đặc biệt quan tâm chiến lược phát triển vùng, chăm lo, đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Những năm gần đây, dưới sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương, kinh tế - xã hội ở các địa bàn này đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, nhiều địa bàn có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước, sinh kế của người

dân ngày càng đa dạng, thu nhập được cải thiện, an ninh được giữ vững, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường; khoảng cách chênh lệch vùng ngày càng được thu hẹp.

Ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách vùng dân tộc thiểu số và người dân tộc thiểu số, huy động tổng hợp các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất gắn kết và thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh, an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, như: Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Quyết định số 72-HĐBT, ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) Về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền... Đặc biệt trong năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành 06 nghị quyết Về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại 06 vùng (Trung du, miền núi Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ; Đồng bằng sông Hồng; Đồng bằng sông Cửu Long; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các chiến lược vùng được xây dựng phù hợp, thống nhất với các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và các Chiến lược phát triển bền vững, Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu... tạo động lực phát triển toàn diện và tăng cường liên kết vùng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Địa bàn đặc biệt khó khăn ở nước ta có thể nhóm thành 02 khu vực: (i) Địa bàn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi và (ii) địa bàn đặc biệt khó khăn thuộc vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo. Ngày 04/6/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, phê duyệt 3.434 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có 1.551 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn). Ủy ban Dân tộc cũng đã ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, theo đó cả nước có 13.222 thôn đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại các địa bàn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn cả nước có 74 huyện nghèo thuộc 26 tỉnh và 54 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Việc xác định các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn là cơ sở quan trọng xây dựng, hoạch định chủ trương, chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Theo đó, người dân ở những địa bàn này được hưởng nhiều chính sách ưu đãi, được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, khám chữa bệnh theo bảo hiểm; được hỗ trợ vốn đầu tư phát triển sản xuất; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Chính phủ, như: Xây dựng nhà máy nước cung cấp nước ngọt sinh hoạt cho nhân dân, các dự án thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt; dự án đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã, nạo vét hệ thống kênh mương và nhiều công trình phúc lợi xã hội, cộng đồng khác. Các nhóm đối tượng học sinh, sinh viên có

cha, mẹ thường trú tại địa bàn hoặc thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định, miễn, giảm học phí; hỗ trợ sinh viên vay vốn; người nghèo được hưởng các chính sách trợ cấp khó khăn. Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở địa bàn này cũng được quan tâm, hưởng mức phụ cấp thu hút và các loại phụ cấp công tác lâu năm, trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng□ theo quy định của pháp luật.

Về gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, điểm nhấn nổi bật là Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, phát huy tốt vai trò nòng cốt của 28 khu kinh tế - quốc phòng, tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn chiến lược đặc biệt khó khăn dọc tuyến biên giới đất liền, trên biển, hải đảo; từng bước bố trí lại dân cư thành các cụm, làng, xã, thôn, bản theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Theo đánh giá, rà soát của Chính phủ khi ban hành Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền, các tỉnh biên giới, khu vực biên giới đã có 267 cụm công nghiệp hoạt động (chiếm 36,6% cụm công nghiệp đã hoạt động của cả nước); các nhà máy thủy điện, nhiệt điện và năng lượng tái tạo tại khu vực biên giới đã đóng góp đến 44% tổng sản lượng điện toàn quốc, góp phần củng cố an ninh năng lượng, bảo đảm sản xuất và nâng cao đời sống cho người dân.

Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2016 - 2020, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, nhất là người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, vùng đặc biệt khó tăng hơn 02 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Trên địa bàn cả nước đã có hơn 5.500 lao động thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ việc làm, đi xuất khẩu lao động nước ngoài; hơn 13.000 dự án phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế với trên 2,2 triệu hộ hưởng lợi. Chỉ riêng đối với khu vực địa bàn đặc biệt khó khăn ven biển, hải đảo, trong 05 năm đã có 125 xã và

1.298 thôn hoàn thành Chương trình 135; khoảng 21.000 công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư, 32 huyện, 125 xã đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn⁽⁵⁾.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp, toàn diện đến tầng lớp xã hội, đặc biệt là các nhóm yếu thế tại các vùng, địa phương gặp nhiều khó khăn, Đảng, Nhà nước đã kịp thời quan tâm, ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp, hỗ trợ, giúp đỡ người dân, như: Nghị quyết 42/NQ-CP, ngày 09/4/2020 của Chính phủ Về Các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19; Nghị quyết số 116/NQ-CP, ngày 24/9/2021 của Chính phủ Về chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp; Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 của Chính phủ Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19; Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg, ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định Về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Theo đó, từ năm 2020 đến hết năm 2022, Nhà nước đã hỗ trợ gần 104,5 nghìn tỷ đồng cho trên 1,41 triệu lượt người sử dụng lao động và trên 68,43 triệu lượt người lao động gặp khó khăn; đồng thời xuất cấp 25 nghìn tấn gạo, hỗ trợ cho 492 nghìn hộ với hơn 1,6 triệu nhân khẩu⁽⁶⁾.

Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất của người dân, Đảng, Nhà nước cũng đặc biệt quan tâm đời sống tinh thần, phát triển văn hóa, bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho người dân được thụ hưởng văn hóa tạo nền tảng tinh thần vững chắc xây dựng, phát triển bền vững vùng. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 phê duyệt Đề án Hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo nhằm tăng cường thông tin tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, giáo dục lịch sử truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là "văn hóa làng xã" được gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị xây dựng cộng đồng, gia đình, dòng họ, khối đại đoàn kết dân tộc; các phong tục tập quán lạc hậu từng bước được xóa bỏ; các mâu thuẫn, xung đột văn hóa, trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người dân được nhận diện, quản lý, giải quyết kịp thời.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn còn hạn chế, bất cập. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được ban hành nhiều, song còn dàn trải, thiếu tính tổng thể, tính liên kết, liên vùng chưa cao. Nhiều địa bàn chưa thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, vẫn là vùng "lỗi nghèo" của cả nước; mức độ thụ hưởng đổi mới của người dân một số nơi còn thấp; chênh lệch về hưởng thụ văn hóa ở một số vùng, miền còn lớn, đời sống còn khó khăn; các dịch vụ, cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ chăm sóc y tế, văn hóa, giáo dục cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được đầu tư song một số nơi chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Kết hợp giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ngược lại chưa thực sự chặt chẽ. Các vấn đề an ninh dân tộc, tôn giáo, xây dựng "thể trận lòng dân", phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm. Đáng chú ý, đây vẫn là một trong những địa bàn chiến lược, trọng điểm mà các thế lực thù địch tập trung các hoạt động tuyên truyền, chống phá, kích động gây rối an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn, âm mưu thành lập cái gọi là "nhà nước tự trị", "vương quốc độc lập" làm sai lệch nhận thức của người dân về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, tác động tiêu cực,

nhieu mặt đến kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, trật tự tại các địa bàn này.

3. Thời gian tới, Việt Nam đã và đang trong quá trình đẩy mạnh hợp tác quốc tế ngày càng sâu sắc, toàn diện. Việc tham gia rất tích cực và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống chuỗi giá trị, liên kết toàn cầu, liên kết khu vực, đặc biệt là với việc ban hành và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự 06 vùng chiến lược trọng điểm của cả nước sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy các hình thức liên kết kinh tế mới theo cả lĩnh vực, địa bàn và đối tác trong nước, nước ngoài. Do đó, nhằm tiếp tục phát huy hơn nữa những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn, qua nghiên cứu cho thấy cần quan tâm làm tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường kết nối, tính liên kết giữa các vùng, địa bàn trong tổng thể các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các địa phương. Hoàn thiện các thể chế, cơ chế liên kết vùng kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng chính sách ban hành nhiều song dân trái, thiếu tập trung. Đa dạng hóa hình thức liên kết vùng ngày trên cơ sở kế thừa, phát huy các hình thức truyền thống (chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin, tham quan học tập kinh nghiệm) và các hình thức, xu hướng mới (triển lãm, diễn đàn hợp tác kinh tế vùng, ký kết thỏa thuận hợp vùng, hợp tác song phương, đa phương...). Các địa phương ưu tiên chính sách đẩy mạnh liên kết xây dựng hạ tầng cơ sở, hình thành và phát triển các vùng sản xuất, chuỗi liên kết ngành hàng..., nhất là các vùng có lợi thế, tiềm năng phát triển

nhưng còn nhiều khó khăn do cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, giao thông không thuận lợi.

Hai là, đổi mới, đa dạng hoá các nguồn lực, sáng tạo trong thực hiện các giải pháp xoá đói, giảm nghèo bền vững tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn theo hướng khơi dậy, khai thác, phát huy các tiềm năng, giá trị vốn có, lợi thế so sánh của từng vùng. Tích cực chuyển đổi phương thức kinh doanh, sản xuất truyền thống, khép kín, tự cấp, tự túc sang phương thức sản xuất hiện đại theo chuỗi liên kết, chuỗi giá trị; chú trọng phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế du lịch. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, đa dụng; nâng cao năng lực trợ giúp về nguồn vốn, tài chính, pháp lý, khoa học, kỹ thuật, hướng dẫn kinh nghiệm sản xuất khoa học cho bà con. Rà soát tổng thể và có phương án bảo đảm các điều kiện sống cơ bản, như: Việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin cho người dân gắn liền với các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Tiếp tục thể chế hóa và triển khai thực hiện hiệu quả quan điểm, đường lối Đảng ta đã xác định tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: [Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể⁽⁷⁾. Chủ động nhận diện và giải quyết triệt

đề từ sớm, từ cơ sở các mâu thuẫn, xung đột xã hội phát sinh trong các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, không hình thành, bùng phát thành điểm nóng chính trị, gây hậu quả nghiêm trọng về an ninh, trật tự. Phát hiện, xử lý nghiêm mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; các hoạt động tuyên truyền chống phá, kích động ly khai tự trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gây bất ổn về chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Bốn là, chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số, bản sắc dân tộc, nâng cao trình độ dân trí của người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc, truyền thống lịch sử, khơi dậy khát vọng, ý chí vươn lên thoát nghèo, làm giàu của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, tôn vinh các tổ chức, cá nhân, nghệ nhân người dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp trong việc lưu truyền, phổ biến, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở gắn với di tích lịch sử văn hóa phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, địa phương. Có chính sách đột phá trong phát triển giáo dục, đào tạo kết hợp với mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở giáo dục, trường, lớp nội trú; có chính sách thu hút, bố trí hợp lý đội ngũ giáo viên giỏi và coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, trí thức, người có uy tín người dân tộc thiểu số.

Năm là, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở thực sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, năng lực, phẩm chất. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

trong việc gắn kết, cầu nối giữa nhân dân với chính quyền cơ sở, hỗ trợ, giúp đỡ người dân trong việc tiếp cận đầy đủ chủ trương, chính sách của Nhà nước cũng như trong quá trình triển khai thực hiện, lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tạo cơ chế và bảo đảm điều kiện cho người dân thực hiện hiệu quả phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

(1) Theo, Khoản 2, 3, 4, Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

(2) Theo Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định đơn vị biên phòng thuộc vùng sâu, vùng xa.

(3) Theo Điều 3, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ Về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, Theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

(4) Chỉ tính riêng các địa bàn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực này là 55,45%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo là 538.737 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 38,62% với tổng số 375.141 hộ; tỷ lệ hộ cận nghèo là 16,84% với tổng số 163.596 hộ.

(5) <https://nhandan.vn/viet-nam-quyet-tam-thuc-hien-muc-tieu-xoa-doi-giam-ngheo-post722746.html>

(6) Chính phủ (5/2023), *Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2022; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước những tháng đầu năm 2023* (Báo cáo của Chính phủ do lãnh đạo Chính phủ trình bày tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV), Hà Nội.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, T.1, tr.157